

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS - PT

Ngày 05 - 7 - 2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Bà Trần Thị Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLPT-DS ngày 10/3/2021 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự số 12/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị Bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐ-PT ngày 16/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 25/2021/QĐ-PT ngày 11/5/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 133/2021/QĐ-PT ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D

Địa chỉ: Tổ 21, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Trạm y tế xã Vạn Hòa, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H - Địa chỉ: Tổ 01, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S

Địa chỉ: Số nhà 062, đường Triệu Quang P, tổ 02, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Văn Minh N - Luật sư, Văn phòng luật sư M, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Số 16, khu 3, khu đô thị Phú Hưng, phường B, Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: Chị Lê Thị Kim V - Địa chỉ: Địa chỉ: Phòng 1601, tầng 16, Chung cư T, số 414, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, không có lý do.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phạm Thị D và Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Nguyễn Thiên H trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 31/5/2019, bà Phạm Thị D cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền là 1.661.170.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*), hai bên có viết giấy vay nợ, thời hạn trả là ngày 31/01/2020, lãi suất là 3%/tháng trả hàng tháng. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ gốc và lãi suất nhiều lần bà D yêu cầu trả nợ nhưng bà S không thực hiện đúng cam kết. Bà Phạm Thị D đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền vay gốc là 1.661.170.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng, lãi suất trong hạn tính từ ngày 31/5/2019 đến ngày 31/01/2020, số tiền là 264.787.200 đồng (*Hai trăm sáu mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*), lãi suất quá hạn là 3%/tháng tạm tính từ ngày 31/01/2020 đến ngày 31/7 /2020 số tiền lãi là 299.010.600 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu không trăm mười nghìn sáu trăm đồng*), tổng cộng gốc và lãi số tiền là 2.224.967.800 đồng (*Hai tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền gốc là 1.661.170.000 đồng và thay đổi yêu cầu về lãi suất được tính 20%/năm, từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng thời gian là 17 tháng 9 ngày, số tiền lãi là 478.326.700 đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*) và lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Những khoản tiền vay trước đây bà Nguyễn Thị S vay của bà Phạm Thị D thì khi giao tiền bà S đều xác nhận đã nhận đủ tiền vào giấy vay tiền hoặc sổ tay của bà D, đến khi bà D nhận lại tiền bà S trả thì bà D cũng viết xác nhận vào sổ tay của bà S đã nhận đủ tiền, ký tên và ghi rõ họ tên, hoặc bà D nhận tiền lãi cho các khoản của bà S vay thì đều được kế toán của Công ty viết giấy tờ biên nhận, bà D sẽ ký và ghi rõ họ tên. Đối với khoản tiền là 1.661.170.000 đồng (*Một tỷ*

sáu trăm sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Giấy vay tiền ngày 31/5/2019, bà Nguyễn Thị S không vay tiền của bà Phạm Thị D nên không có nghĩa vụ trả nợ cho bà D. Bà Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 18, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D đối với bà Nguyễn Thị S như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị D, số tiền vay nợ gốc là 1.661.170.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) và số tiền lãi là 478.326.700 đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*), tổng cộng vay nợ gốc và lãi suất số tiền là 2.139.496.700 đồng (*Hai tỷ một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/01/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị D là bà Nguyễn Thiên H giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị S giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, hủy toàn bộ Bản án dân sự số 12/2020/DS-ST ngày

09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp quá thời hạn theo quy định của pháp luật do có trở ngại khách quan nên được chấp nhận theo Quyết định số 35/2021/QĐ-PT ngày 29/01/2021 của TAND tỉnh Lào Cai là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị S:

[2.1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm:

TAND thành phố L thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị D và xác định mối quan hệ pháp luật của vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 19 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã triệu tập các đương sự để lấy lời khai, thực hiện các thủ tục tố tụng khác để thu thập tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà S thường xuyên vắng mặt tại cư trú, không rõ thời điểm trở về nên không thực hiện được việc tổng đạt theo Biên bản xác minh ngày 07/10/2020 đối với ông Lê Văn C - Tổ trưởng tổ dân phố số 02, phường L. Vì vậy, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tố tụng đối với bà Nguyễn Thị S là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Xét thỏa thuận vay tiền giữa bà Phạm Thị D và bà Nguyễn Thị S theo Giấy vay tiền mặt ngày 31/5/2019:

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị D và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thiên H trình bày ngày 31/5/2019 bà Nguyễn Thị S có vay của bà D khoản tiền 1.661.170.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 31/01/2020. Thỏa thuận vay tiền giữa bà D và bà S trao đổi qua điện thoại vì khi đó bà D đến nhà thì bà S đi vắng. Sau đó con dâu của bà S là chị Lê Thị Kim V đã viết Giấy vay tiền, bà S về nhà đã đọc lại nội dung Giấy vay tiền và ký tên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lại trình bày khoản tiền vay theo Giấy vay tiền mặt ngày 31/5/2019 thực chất là giấy chót nợ nhiều

khoản nợ mà trước đó bà S có vay của bà D từ năm 2017 - 2018 và một khoản vay khi viết giấy này. Các khoản nợ trước đều không có giấy tờ gì mà hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, do bà S không trả nên ngày 31/5/2019 hai bên đã chốt nợ và làm giấy vay tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S cho rằng không vay khoản tiền trên và cũng không nhận được tiền từ bà Phạm Thị D theo Giấy vay tiền ngày 31/5/2019. Tuy nhiên bà S xác nhận chữ ký trong Giấy vay tiền là của bà S, giấy vay tiền là do bà Phạm Thị D với con dâu của bà S là chị Lê Thị Kim V lập khi bà S vắng mặt. Khi bà về nhà thì do tin tưởng nên bà không đọc lại nội dung mà chỉ ký vào giấy vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã có Thông báo yêu cầu các đương sự giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình. Tuy nhiên, phía nguyên đơn chỉ cung cấp được chứng cứ duy nhất là Giấy vay tiền mặt ngày 31/5/2019, bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác. Khi giải quyết vụ án, bị đơn bà S cũng chỉ có Bản tự khai và không có mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị S đã có Đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ số, chữ viết tay trong Giấy cho vay tiền ngày 31/5/2019 giữa Bên A (bên cho vay): Phạm Thị D với Bên B (bên vay): Nguyễn Thị S. Tại Kết luận giám định số 34/GĐTL ngày 03/6/2021 và Kết luận giám định (bổ sung) số 35/GĐTL ngày 09/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai đã kết luận như sau:

Thứ nhất, kết luận về phần nội dung bị sửa chữa:

- Có dấu vết bị sửa chữa tại dòng thứ 4 tính từ trên xuống ghi nội dung: *“Hôm nay ngày 31 tháng 5 năm 2019”* trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Nội dung nguyên gốc xác định được là: *“Hôm nay ngày 30 tháng 3 năm 2018”*.

- Có dấu vết bị sửa chữa tại dòng thứ 14 tính từ trên xuống ghi nội dung: ngày cấp CMND *“11/01/2002”* trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Nội dung nguyên gốc xác định được là *“27/11/2019”*.

Thứ hai, kết luận về phần nội dung bị điền thêm:

- Các chữ viết tay, chữ số bao gồm: *“063086672, cấp ngày 25/09/2017 tại CA Lào Cai”* tại dòng thứ 09; *“0986169225”* tại dòng thứ 11; *“3%/tháng”* tại dòng thứ 20; *“31/01/2020”* tại dòng thứ 23 tính từ trên xuống của tài liệu cần giám định ký hiệu A là các chữ và số điền thêm.

- Các chữ số, chữ viết điền thêm với các chữ viết, chữ số còn lại trên tài liệu cần giám định ký hiệu A do cùng một người viết ra.

Theo Kết luận giám định trên thì Giấy cho vay tiền ngày 31/5/2019 giữa Bên A (bên cho vay): Phạm Thị D với Bên B (bên vay): Nguyễn Thị S có dấu hiệu sửa chữa về thời gian lập văn bản theo nguyên gốc giấy vay tiền là ngày

30/8/2018 sửa thành ngày 31/5/2019, và sửa chữa tại dòng thứ 14 từ trên xuống ghi nội dung: ngày cấp CMND “11/01/2002”, nội dung nguyên gốc xác định được là: “27/11/2019”. Như vậy, phần nội dung nguyên gốc là ngày cấp CMND của bà S xác định là thời điểm sau khi viết Giấy vay tiền. Theo lời khai của các đương sự đều xác nhận về việc Giấy vay tiền mặt do con dâu bà S là chị Lê Thị Kim V viết. Vì vậy, xét thấy lời khai của người làm chứng chị Lê Thị Kim V là chứng cứ quan trọng để xác định về thời gian, hoàn cảnh viết Giấy vay tiền mặt, lý do có sự sửa chữa trong giấy vay tiền, chị Lê Thị Kim V vừa là người trực tiếp viết giấy và cũng là người chứng kiến thỏa thuận giữa bà D với bà S là thỏa thuận vay tiền vào cùng thời điểm viết giấy hay việc chốt nợ của các khoản nợ trước đó, có việc giao tiền giữa hai bên khi ký Giấy vay tiền hay không? Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp địa chỉ của chị Lê Thị Kim V nhưng bà S không cung cấp. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù Tòa án đã triệu tập chị Vân tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm với tư cách là người làm chứng nhưng chị Vân không có mặt.

Ngoài ra, theo Kết luận giám định thì ngoài những nội dung có dấu hiệu sửa chữa thì trong Giấy vay tiền còn có một số chữ viết, chữ số viết thêm vào, bao gồm: “063086672, cấp ngày 25/09/2017 tại CA Lào Cai” tại dòng thứ 09; “0986169225” tại dòng thứ 11; “3%/tháng” tại dòng thứ 20; “31/01/2020” tại dòng thứ 23 tính từ trên xuống. HĐXX thấy rằng nội dung điền thêm trên Giấy vay tiền mặt ngày 31/5/2019 có nội dung về lãi suất cho vay và thời điểm thanh toán. Vì vậy, cần làm rõ về những nội dung viết thêm trong Giấy vay tiền để xác định về việc giữa bà D và bà S có thỏa thuận về lãi suất hay không và Hợp đồng vay tiền là hợp đồng có thời hạn hay không để làm căn cứ xem xét điều kiện khởi kiện của nguyên đơn và xác định vụ án thuộc trường hợp thỏa thuận lãi suất cao so với quy định của pháp luật hay không thỏa thuận về lãi suất, có tranh chấp về lãi suất.

[2.2.2] Từ những phân tích trên thấy rằng, do Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai đã kết luận trong Giấy vay tiền mặt giữa bà Phạm Thị D với bà Nguyễn Thị S có dấu hiệu bị sửa chữa và có nội dung bị điền thêm nên phát sinh những tình tiết mới trong vụ án cần phải xác minh, làm rõ. Do đó cần thiết phải thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bà D với bà S, triệu tập người làm chứng chị Lê Thị Kim V và đối chất giữa bà Phạm Thị D, bà Nguyễn Thị S và chị Lê Thị Kim V để làm rõ việc viết Giấy vay tiền, việc sửa chữa, điền thêm trong Giấy vay tiền để có căn cứ xem xét việc xác lập quan hệ vay tiền cũng như thực hiện nghĩa vụ trả nợ giữa bà D với bà S.

Mặt khác, tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị S có giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ là bản gốc Phiếu chi ngày 27/6/2020 của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Đ (Nội dung chi trả nợ chị D số tiền 200.000.000 đồng) và Giấy biên nhận ngày 01/01/2020 có nội dung Người nhận tiền Trần Thảo H (số tiền 150.000.000 đồng). Bị đơn bà S

cho rằng bà có vay tiền của bà D từ khoảng năm 2017 nhưng đã trả hết nợ, trong đó có khoản nợ do chị Trần Thảo H là con gái bà D đến nhận thay. Xét thấy, cần thiết phải lấy lời khai của chị Trần Thảo H để làm rõ việc nhận tiền do bà S trả nợ cho bà D là tiền của khoản vay nào, quyền và nghĩa vụ của chị Hiền đối với những vấn đề liên quan trong vụ án từ đó xác định tư cách tham gia tố tụng của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung việc thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh, đối chất giữa các đương sự, giữa đương sự với người làm chứng được. Vì vậy, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí giám định: Số tiền chi phí giám định do Tòa án trung cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Xác nhận bị đơn bà Nguyễn Thị S đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm nên việc xem xét về nghĩa vụ chịu chi phí giám định sẽ được xác định khi TAND thành phố L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm 12/2020/DS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị S không phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0008909 ngày 19/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LI HP;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Khanh